

Số: 113/QĐ-ĐHSPKTND

Nam Định, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp năm 2022 – đợt 1
cho sinh viên các lớp đại học, cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 06/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-LĐTBXH ngày 09/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-ĐHSPKTND ngày 08/01/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 98/QĐ-ĐHSPKTND ngày 16/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy theo phương thức tích lũy tín chỉ;

Căn cứ biên bản số 07 /BB-ĐHSPKTND ngày 28/01/2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp năm 2022 – đợt 1 cho sinh viên các lớp đại học, cao đẳng;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học – văn bằng kỹ sư, hệ chính quy cho 116 sinh viên, cụ thể:

1. Đại học khóa 12:	83 SV
2. Đại học sư phạm kỹ thuật khóa 12:	08 SV
3. Liên thông đại học khóa 13:	15 SV
4. Đại học chậm tiến độ khóa học:	06 SV
5. Liên thông đại học chậm tiến độ khóa học:	04 SV

(Có danh sách kèm theo)



Điều 2. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học – văn bằng cử nhân, hệ chính quy cho 03 sinh viên đại học khóa 12 (Có danh sách kèm theo).

Điều 3. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 01 sinh viên cao đẳng tuyển sinh từ trước năm 2017 (Có danh sách kèm theo).

Điều 4. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng – Danh hiệu kỹ sư thực hành, hệ chính quy cho 01 sinh viên cao đẳng tuyển sinh từ năm 2017 (Có danh sách kèm theo).

Điều 5. Chưa công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy đối với 105 sinh viên, cụ thể:

1. Đại học khóa 12: 72 SV

2. Đại học sư phạm kỹ thuật khóa 12: 33 SV

(Có danh sách kèm theo)

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên; Trưởng phòng Kế toán - Tài chính; Trưởng khoa: Điện - Điện tử, Cơ khí, Công nghệ thông tin, Kinh tế và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *TS*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, ĐT (3 bộ).

HIỆU TRƯỞNG



TS Đặng Quyết Cường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHÓA 12
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng kỹ sư
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 444/QĐ-ĐHSPKTND ngày 28 tháng 04 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	17D1100052	Trần Phương Thảo	30/06/1999	Nữ	Nam Định	DK - CNTT 12B	2017	Công nghệ thông tin	124	124	2,62		Không	Khá
2	17D1010066	Vũ Quốc Việt	30/05/1998	Nam	Nam Định	DK - CNTT 12B	2017	Công nghệ thông tin	124	124	2,31		Không	Trung bình
3	17D1050020	Trần Quốc Phương	17/12/1999	Nam	Nam Định	DK - CTM 12	2017	Công nghệ chế tạo máy	124	124	2,50		Không	Khá
4	17D1010002	Ngô Công Tuấn Anh	30/05/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,22		Không	Trung bình
5	17D1010008	Phan Tấn Dũng	30/09/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,19		Không	Trung bình
6	17D1010009	Trần Ngọc Duy	28/10/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,27		Không	Trung bình
7	17D1010011	Nguyễn Đình Đông	27/02/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,50		Không	Khá
8	17D1010012	Nguyễn Huy Đức	09/09/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,77		Không	Khá
9	17D1010015	Trần Sỹ Đức	17/01/1999	Nam	Hà Nam	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,79		Không	Khá
10	17D1010016	Nguyễn Hữu Hiếu	03/11/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,28		Không	Trung bình
11	17D1010017	Đinh Văn Huấn	30/09/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,50		Không	Khá
12	17D1010018	Trần Hà Khoa	13/05/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,02		Không	Trung bình
13	17D1010019	Ngô Ngọc Khương	10/10/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,35		Không	Trung bình

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
14	17D1010020	Phạm Đức Chí Kỳ	21/03/1999	Nam	Hà Nam	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,25		Không	Trung bình
15	17D1010022	Bùi Văn Mạnh	19/04/1994	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	3,10		Không	Khá
16	17D1010024	Phạm Hoài Nam	24/06/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,63		Không	Khá
17	17D1010025	Trần Đức Ninh	28/12/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,37		Không	Trung bình
18	17D1010026	Phan Hồng Quân	03/08/1997	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,45		Không	Trung bình
19	17D1010029	Vũ Văn Thành	15/12/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,27		Không	Trung bình
20	17D1010031	Đinh Minh Thịnh	10/06/1998	Nam	Ninh Bình	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,85		Không	Khá
21	17D1010034	Trương Văn Thông	15/03/1999	Nam	Hà Tĩnh	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,70		Không	Khá
22	17D1010037	Nguyễn Văn Toàn	02/01/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,26		Không	Trung bình
23	17D1010043	Trần Quốc Đạt	14/10/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,35		Không	Trung bình
24	17D1010046	Trần Xuân Hải	18/09/1998	Nam	Hà Nam	DK - DDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,90		Không	Khá
25	17D1010047	Nguyễn Xuân Hậu	03/07/1998	Nam	Hà Nam	DK - DDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,63		Không	Khá
26	17D1010054	Phạm Xuân Kỳ	05/01/1998	Nam	Nam Định	DK - DDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,47		Không	Trung bình
27	17D1010055	Bùi Duy Long	16/09/1996	Nam	Nam Định	DK - DDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,30		Không	Trung bình
28	17D1010056	Nguyễn Tiến Mạnh	16/11/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,23		Không	Trung bình
29	17D1010057	Trần Nam Phong	01/01/1999	Nam	Thái Bình	DK - DDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,90		Không	Khá
30	16D1010073	Phạm Đăng Quang	05/06/1994	Nam	Nam Định	DK - DDT 12B	2016	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,63		Không	Khá
31	17D1010059	Trần Minh Quang	09/10/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	3,22	0,00%	Không	Giỏi
32	17D1010062	Chu Minh Tú	03/09/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,07		Không	Trung bình

H/T Đ UP 1/9/

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
33	17D1140020	Lê Quang Vinh	09/11/1999	Nam	Nam Định	DK - DDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,13		Không	Trung bình
34	17D1040001	Trần Đình Tuấn Anh	28/06/1999	Nam	Thanh Hóa	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,32		Không	Trung bình
35	17D1040002	Phạm Văn Bắc	28/09/1999	Nam	Thái Bình	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,14		Không	Trung bình
36	17D1040003	Bùi Văn Cảnh	09/01/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,60		Không	Khá
37	17D1040004	Nguyễn Bá Cường	11/04/1999	Nam	Hà Nam	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,35		Không	Trung bình
38	17D1040005	Vũ Văn Cường	01/03/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,29		Không	Trung bình
39	17D1040008	Nguyễn Văn Duy	25/05/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,34		Không	Trung bình
40	17D1040010	Trần Thành Đạt	12/08/1997	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,48		Không	Trung bình
41	17D1040011	Phạm Đa Định	28/05/1999	Nam	Ninh Bình	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,28		Không	Trung bình
42	17D1040012	Trương Hoàng Giang	12/11/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,23		Không	Trung bình
43	17D1040013	Trần Minh Hòa	29/08/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,08		Không	Trung bình
44	17D1040021	Phạm Hà Mi	25/09/1999	Nữ	Ninh Bình	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	3,15		Không	Khá
45	17D1040024	Nguyễn Công Minh	07/11/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,22		Không	Trung bình
46	17D1040023	Nguyễn Công Minh	21/04/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,65		Không	Khá
47	17D1040027	Trần Hồng Quân	31/10/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,30		Không	Trung bình
48	17D1040029	Nguyễn Đăng Sơn	02/12/1998	Nam	Hà Nam	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,68		Không	Khá
49	17D1040030	Trần Duy Sơn	08/01/1999	Nam	Hà Nam	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,56		Không	Khá
50	17D1040031	Trần Đức Tài	03/11/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,44		Không	Trung bình
51	17D1040034	Phạm Duy Thiệp	08/08/1999	Nam	Thái Bình	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,52		Không	Khá

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
52	17D1040035	Phạm Bảo Trung	04/10/1999	Nam	Ninh Bình	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,15		Không	Trung bình
53	17D1040036	Trần Tuấn Tú	06/08/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,17		Không	Trung bình
54	17D1040038	Nguyễn Văn Tuấn	12/01/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	3,27	0,00%	Không	Giỏi
55	17D1040039	Phạm Tiến Việt	05/08/1999	Nam	Thái Bình	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,39		Không	Trung bình
56	17D1040040	Bùi Đức Vượng	12/12/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	3,02		Không	Khá
57	17D1040043	Nguyễn Đình Bìn	17/09/1997	Nam	Hà Nam	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,52		Không	Khá
58	17D1040045	Đan Đình Chiến	01/11/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,22		Không	Trung bình
59	17D1040053	Trần Ngọc Hải	11/12/1996	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	3,14		Không	Khá
60	17D1040055	Nguyễn Duyên Hiếu	17/02/1999	Nam	Hà Nam	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,85		Không	Khá
61	17D1040058	Hà Đình Huy	05/11/1999	Nam	Hà Nam	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,59		Không	Khá
62	17D1040059	Hoàng Xuân Huy	25/06/1999	Nam	Thái Bình	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,19		Không	Trung bình
63	17D1040060	Nguyễn Quang Huy	25/12/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,49		Không	Trung bình
64	17D1040061	Vũ Quang Huy	05/11/1999	Nam	Ninh Bình	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	3,20	0,00%	Không	Giỏi
65	17D1040070	Phạm Minh Quang	28/03/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,40		Không	Trung bình
66	17D1040071	Nguyễn Văn Quyền	15/03/1999	Nam	Hà Nam	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,37		Không	Trung bình
67	17D1040074	Đinh Quốc Thi	24/04/1999	Nam	Thanh Hóa	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,27		Không	Trung bình
68	17D1040075	Bùi Văn Tiến	12/10/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,36		Không	Trung bình
69	17D1040076	Ngô Văn Tiến	26/10/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,76		Không	Khá
70	17D1040077	Phạm Văn Trung	31/12/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,40		Không	Trung bình

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
71	17D1140002	Trần Thành Đạt	06/05/1999	Nam	Nam Định	DK - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,63		Không	Khá
72	17D1140003	Nguyễn Đình Doãn	16/12/1999	Nam	Thái Bình	DK - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,48		Không	Trung bình
73	17D1140007	Đỗ Hải Hà	02/06/1999	Nam	Nam Định	DK - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,31		Không	Trung bình
74	17D1140008	Nguyễn Hoàng Hiệp	19/10/1998	Nam	Hà Nam	DK - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	3,01		Không	Khá
75	17D1140011	Hoàng Ngọc Huy	12/08/1999	Nam	Nam Định	DK - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,44		Không	Trung bình
76	16D1140005	Trần Ngọc Long	05/08/1998	Nam	Nam Định	DK - HTD 12	2016	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,28		Không	Trung bình
77	17D1140017	Vũ Văn Thủy	06/10/1998	Nam	Nam Định	DK - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,54		Không	Khá
78	17D1020010	Hoàng Ngọc Vũ	12/09/1999	Nam	Nam Định	DK - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,60		Không	Khá
79	17D1020008	Phạm Văn Tuấn	24/09/1986	Nam	Nam Định	DK - KTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	2,85		Không	Khá
80	17D1020009	Lại Văn Tuyển	28/10/1999	Nam	Nam Định	DK - KTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	2,68		Không	Khá
81	17D1080019	Trịnh Phương Nam	28/12/1999	Nam	Nam Định	DK - Ôtô 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	124	2,44		Không	Trung bình
82	16D1080003	Trịnh Việt Anh	04/10/1998	Nam	Ninh Bình	DK - Ôtô 12B	2016	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	124	2,55		Không	Khá
83	16D1080025	Đỗ Văn Kiên	12/04/1998	Nam	Nam Định	DK - Ôtô 12B	2016	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	124	2,27		Không	Trung bình

Ấn định danh sách 83 SV. *SV*

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đặng Quyết Cường

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KHÓA 12
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng kỹ sư
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-DHSPKTND ngày 18 tháng 01 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	17S1040001	Trần Thế Anh	29/05/1999	Nam	Hà Nam	DS - DKTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	143	143	2,75		Không	Khá
2	17S1040006	Nguyễn Kim Quý	18/03/1997	Nam	Nam Định	DS - DKTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	143	143	3,08		Không	Khá
3	17S1040009	Lương Văn Thiết	17/10/1999	Nam	Nam Định	DS - DKTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	143	143	2,66		Không	Khá
4	17S1040011	Trương Văn Tinh	17/12/1999	Nam	Ninh Bình	DS - DKTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	143	143	3,03		Không	Khá
5	17S1140006	Vũ Văn Trường	17/03/1999	Nam	Nam Định	DS - DKTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	143	143	2,63		Không	Khá
6	17S1140002	Phạm Thế Anh	05/11/1999	Nam	Thái Bình	DS - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	143	143	3,16		Không	Khá
7	17S1140003	Trần Đức Duy	11/01/1999	Nam	Thái Bình	DS - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	143	143	3,00		Không	Khá
8	17S1140005	Dinh Quang Hưng	21/07/1999	Nam	Nam Định	DS - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	143	143	2,55		Không	Khá

Ấn định danh sách 8 SV. 

HIỆU TRƯỞNG

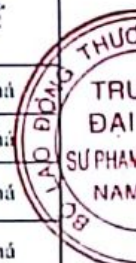



TS. Đặng Quyết Thắng

DANH SÁCH SINH VIÊN LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC KHÓA 13
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng kỹ sư
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-DHSPKTND ngày 28 tháng 04 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỳ luật	Hạng tốt nghiệp
1	19L1080012	Hoàng Bá Khánh Trình	10/11/1983	Nam	Ninh Bình	LTDH - Ôtô 13B	2019	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	124	3,01		Không	Khá
2	19L1050004	Lại Thanh Hoàn	20/08/1995	Nam	Nam Định	LTDH - CTM 13B	2019	Công nghệ chế tạo máy	124	124	2,78		Không	Khá
3	19L1010001	Mai Văn Dương	11/09/1993	Nam	Nam Định	LTDH - DDT 13B	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,59		Không	Khá
4	19L1140002	Ngô Văn Cường	10/03/1983	Nam	Nam Định	LTDH - KTD 13B	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	3,06		Không	Khá
5	19L1020004	Dinh Thị Kim Dung	28/05/1976	Nữ	Hà Nam	LTDH - KTD 13B	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	2,82		Không	Khá
6	19L1020007	Trần Thị Thủy Giang	24/08/1979	Nữ	Nam Định	LTDH - KTD 13B	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	2,69		Không	Khá
7	19L1020009	Hoàng Thị Hương	15/08/1980	Nữ	Thái Bình	LTDH - KTD 13B	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	2,80		Không	Khá
8	19L1020011	Mai Văn Nhơn	11/04/1993	Nam	Nam Định	LTDH - KTD 13B	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	2,80		Không	Khá
9	19L1020012	Cù Thị Tắm	05/01/1984	Nữ	Nam Định	LTDH - KTD 13B	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	2,85		Không	Khá
10	19L1020014	Hoàng Thị Thi	08/08/1978	Nữ	Thái Bình	LTDH - KTD 13B	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	2,81		Không	Khá
11	19L1140004	Phạm Tiến Dũng	07/02/1992	Nam	Thái Bình	LTDH - HTD 13A	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	3,10		Không	Khá
12	19L1140009	Nguyễn Đức Tài	28/06/1992	Nam	Nam Định	LTDH - HTD 13A	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,47		Không	Trung bình
13	19L1140012	Trần Văn Túy	18/12/1997	Nam	Nam Định	LTDH - HTD 13A	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,69		Không	Khá
14	19L1140019	Nguyễn Xuân Quỳnh	14/02/1990	Nam	Nam Định	LTDH - HTD 13B	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,26		Không	Trung bình



TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
15	19L1140014	Đặng Đức Chung	01/01/1986	Nam	Nam Định	LTDH - HTD 13B	2019	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,99		Không	Khá

Ấn định danh sách 15 SV. *xe*

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đặng Quyết Cường



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHẠM TIỀN ĐỘ KHÓA HỌC
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng kỹ sư
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tin chỉ theo quy định	Số tin chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tin chỉ học lợi	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	16D1010004	Mai Xuân Bắc	23/05/1998	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 11A	2016	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,05		Không	Trung bình
2	16D1010009	Nguyễn Ánh Dương	08/01/1998	Nam	Thái Bình	ĐK - ĐDT 11A	2016	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,03		Không	Trung bình
3	16D1010079	Trần Quốc Toàn	06/06/1998	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 11B	2016	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	124	2,10		Không	Trung bình
4	16D1040061	Nguyễn Minh Vượng	01/01/1998	Nam	Thái Bình	ĐK - ĐKTD 11	2016	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	124	2,05		Không	Trung bình
5	16D1140007	Nguyễn Xuân Thành	11/12/1998	nam	Nam Định	ĐK - HTD 11	2016	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	124	2,23		Không	Trung bình
6	16D1080038	Nguyễn Việt Thắng	14/11/1996	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 11	2016	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	124	2,30		Không	Trung bình

Ấn định danh sách 6 SV. *xe*

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đặng Quyết Thắng

DANH SÁCH SINH VIÊN LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHẠM TIỀN ĐỘ KHÓA HỌC

Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng kỹ sư

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số *M.5/QĐ-DHSPKTND* ngày *28* tháng ...*01* năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	16L1020007	Phạm Minh Tú	02/10/1994	Nam	Hà Nội	LTDH - KTD 10	2016	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	2,56		Không	Khá
2	17L1100006	Nguyễn Tiến Dũng	02/10/1984	Nam	Nam Định	LTDH - CNTT 11A	2017	Công nghệ thông tin	124	124	2,48		Không	Trung bình
3	17L1020011	Trần Quốc Việt Anh	06/12/1991	Nam	Nam Định	LTDH - KTD 11B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	124	2,90		Không	Khá
4	18L1080011	Vũ Văn Tuyền	29/10/1987	Nam	Ninh Bình	LTDH - Ôtô 12B	2018	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	124	3,03		Không	Khá

Ấn định danh sách 4 SV. *[Chữ ký]*

HIỆU TRƯỞNG



[Chữ ký]
TS. Đặng Quyết Cường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHÓA HỌC 12
Được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học - Văn bằng cử nhân
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-DHSPKTND ngày 28 tháng 01 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	17D1110012	Trần Thị Phương Linh	16/09/1999	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 12	2017	Kế toán	121	121	2,26		Không	Trung bình
2	17D1120005	Trần Quốc Đạt	03/11/1999	Nam	Hà Nam	ĐK - QTKD 12	2017	Quản trị kinh doanh	121	121	2,18		Không	Trung bình
3	17D1120007	Đỗ Mạnh Đức	13/02/1998	Nam	Nam Định	ĐK - QTKD 12	2017	Quản trị kinh doanh	121	121	2,46		Không	Trung bình

Ấn định danh sách 3 SV. 

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đặng Quyết Cường

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG TUYỂN SINH TRƯỚC 2017

Được công nhận và cấp bằng cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-DHSPKTND ngày 28 tháng 01 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	15C1100010	Trần Duyên Thiện	04/11/1997	Nam	Nam Định	CK - CNTT 18	2015	Công nghệ thông tin	91	91	2,33		Không	Trung bình

Ấn định danh sách 1 SV. 



DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG TUYỂN SINH TỪ 2017 CHIẠM TIỀN ĐỘ
Được công nhận và cấp bằng cao đẳng - Danh hiệu kỹ sư thực hành
Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số M3./QĐ-DHSPKTND ngày 28 tháng 04 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	% Số tín chỉ học lại	Kỷ luật	Hạng tốt nghiệp
1	17Q0110008	Nguyễn Văn Mạnh	17/11/1998	Nam	Thanh Hóa	CD - Ôtô 20	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	92	92	2,52		Không	Khá

Ấn định danh sách 1 SV. 

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đặng Quyết Thắng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHÓA 12

Chưa được công nhận tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 113../QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 22 tháng 04 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	Ghi chú
1	17D1060003	Trần Cao Nguyên	23/06/1999	Nam	Thái Bình	ĐK - CK 12	2017	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành hàn)	124	122	2,47	Chưa tích lũy đủ số TC
2	17D1040068	Trần Đình Phú	25/05/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CK 12	2017	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành hàn)	124	122	2,48	Chưa tích lũy đủ số TC
3	17D1060005	Bùi Văn Tính	12/01/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CK 12	2017	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành hàn)	124	116	2,68	Chưa tích lũy đủ số TC
4	17D1060006	Nguyễn Văn Tuấn	28/07/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CK 12	2017	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành hàn)	124	108	2,59	Chưa tích lũy đủ số TC
5	17D1100005	Nguyễn Hải Biên	10/09/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 12A	2017	Công nghệ thông tin	124	113	1,97	Chưa tích lũy đủ số TC
6	17D1100009	Phạm Quốc Đạt	26/09/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 12A	2017	Công nghệ thông tin	124	122	2,20	Chưa tích lũy đủ số TC
7	17D1100013	Lê Quang Lâm	18/06/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 12A	2017	Công nghệ thông tin	124	118	2,14	Chưa tích lũy đủ số TC
8	17D1100016	Nguyễn Đức Long	16/05/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 12A	2017	Công nghệ thông tin	124	122	1,98	Chưa tích lũy đủ số TC
9	17D1100018	Nguyễn Hoàng Minh	28/10/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 12A	2017	Công nghệ thông tin	124	110	1,80	Chưa tích lũy đủ số TC
10	17D1100020	Nguyễn Quảng Phúc	28/02/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 12A	2017	Công nghệ thông tin	124	121	2,17	Chưa tích lũy đủ số TC
11	17D1100022	Nguyễn Kim Quy	31/07/1999	Nữ	Nam Định	ĐK - CNTT 12A	2017	Công nghệ thông tin	124	109	1,98	Chưa tích lũy đủ số TC
12	17D1100024	Đặng Thái Sơn	01/12/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 12A	2017	Công nghệ thông tin	124	117	2,03	Chưa tích lũy đủ số TC

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	Ghi chú
13	17D1100030	Trần Nhật Tiến	13/10/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 12A	2017	Công nghệ thông tin	124	107	1,85	Chưa tích lũy đủ số TC
14	17D1100040	Nguyễn Hùng Anh	28/02/1998	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 12B	2017	Công nghệ thông tin	124	117	1,98	Chưa tích lũy đủ số TC
15	17D1100047	Hoàng Văn Hào	29/08/1998	Nam	Nam Định	ĐK - CNTT 12B	2017	Công nghệ thông tin	124	120	2,02	Chưa tích lũy đủ số TC
16	17D1050001	Tổng Đình Ái	20/12/1998	Nam	Nam Định	ĐK - CTM 12	2017	Công nghệ chế tạo máy	124	116	2,37	Chưa tích lũy đủ số TC
17	17D1050012	Phạm Mạnh Hoàng	03/02/1999	Nam	Nam Định	ĐK - CTM 12	2017	Công nghệ chế tạo máy	124	120	2,38	Chưa tích lũy đủ số TC
18	17D1050021	Lê Tuấn Quang	18/04/1999	Nam	Hà Nam	ĐK - CTM 12	2017	Công nghệ chế tạo máy	124	120	2,07	Chưa tích lũy đủ số TC
19	17D1050023	Trần Trung Sơn	20/05/1999	Nam	Hà Nam	ĐK - CTM 12	2017	Công nghệ chế tạo máy	124	122	2,52	Chưa tích lũy đủ số TC
20	17D1010001	Đặng Tuấn Anh	23/01/1998	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	122	2,24	Chưa tích lũy đủ số TC
21	17D1010005	Vũ Hoàng Minh Châu	09/09/1999	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	120	2,05	Chưa tích lũy đủ số TC
22	17D1010027	Đoàn Thanh Sơn	05/07/1999	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	112	2,01	Chưa tích lũy đủ số TC
23	17D1010033	Nguyễn Ngọc Thọ	20/02/1999	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	120	2,02	Chưa tích lũy đủ số TC
24	17D1010035	Vũ Ngọc Tiến	03/04/1999	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	119	2,06	Chưa tích lũy đủ số TC
25	17D1010041	Trần Tiến Anh	14/06/1999	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	120	2,42	Chưa tích lũy đủ số TC
26	17D1010048	Nguyễn Tuấn Hùng	08/09/1999	Nam	Thái Bình	ĐK - ĐDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	118	2,22	Chưa tích lũy đủ số TC
27	17D1010050	Vũ Đức Huy	10/10/1999	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	88	1,83	Chưa tích lũy đủ số TC
28	17D1010053	Phạm Trung Kiên	01/12/1999	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	112	2,38	Chưa tích lũy đủ số TC
29	17D1090002	Trần Đăng Quyết	13/11/1999	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	118	2,16	Chưa tích lũy đủ số TC
30	17D1010061	Vũ Ngọc Trường	06/04/1999	Nam	Nam Định	ĐK - ĐDT 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	124	122	2,24	Chưa tích lũy đủ số TC

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	Ghi chú
31	17D1040007	Trịnh Duy Dũng	01/04/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	122	2,25	Chưa tích lũy đủ số TC
32	17D1040009	Nguyễn Như Dự	12/11/1999	Nam	Hà Nam	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	120	2,28	Chưa tích lũy đủ số TC
33	17D1040015	Phạm Tiến Hùng	22/08/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	120	2,28	Chưa tích lũy đủ số TC
34	17D1040017	Phạm Tiến Hưng	24/11/1998	Nam	Thái Bình	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	101	2,17	Chưa tích lũy đủ số TC
35	17D1040018	Trần Văn Khải	04/03/1998	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	104	2,17	Chưa tích lũy đủ số TC
36	17D1040025	Phạm Đình Nam	25/07/1999	Nam	Thanh Hóa	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	106	2,29	Chưa tích lũy đủ số TC
37	17D1040032	Mai Văn Thành	06/05/1998	Nam	Thanh Hóa	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	112	2,16	Chưa tích lũy đủ số TC
38	17D1040033	Vũ Tấn Thành	27/04/1998	Nam	Ninh Bình	DK - DKTD 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	116	2,03	Chưa tích lũy đủ số TC
39	17D1040041	Trần Tiến An	08/06/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	114	2,14	Chưa tích lũy đủ số TC
40	17D1040044	Nguyễn Văn Cấn	15/07/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	106	2,27	Chưa tích lũy đủ số TC
41	17D1040046	Nguyễn Kiên Cường	31/12/1999	Nam	Ninh Bình	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	115	1,99	Chưa tích lũy đủ số TC
42	17D1040047	Nguyễn Văn Duẩn	23/08/1999	Nam	Thái Bình	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	114	2,04	Chưa tích lũy đủ số TC
43	17D1040048	Nguyễn Tiến Dũng	18/03/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	98	2,17	Chưa tích lũy đủ số TC
44	17D1040050	Dương Phúc Đạt	05/06/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	116	2,09	Chưa tích lũy đủ số TC
45	17D1040054	Lại Đức Hạnh	07/12/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	118	2,13	Chưa tích lũy đủ số TC
46	17D1040056	Nguyễn Minh Hiếu	18/04/1999	Nam	Thái Bình	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	114	2,47	Chưa tích lũy đủ số TC
47	17D1040057	Trần Huy Hoàng	25/08/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	112	2,17	Chưa tích lũy đủ số TC
48	17D1040062	Đinh Chí Hướng	25/01/1999	Nam	Nam Định	DK - DKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	118	2,33	Chưa tích lũy đủ số TC

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	Ghi chú
49	17D1040064	Mai Đức Linh	10/06/1998	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	118	2,19	Chưa tích lũy đủ số TC
50	17D1040067	Nguyễn Bá Phú	19/04/1999	Nam	Hải Dương	ĐK - ĐKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	122	2,20	Chưa tích lũy đủ số TC
51	17D1140014	Trần Minh Quang	11/05/1999	Nam	Nam Định	ĐK - ĐKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	114	2,09	Chưa tích lũy đủ số TC
52	17D1040072	Hoàng Minh Sơn	18/07/1999	Nam	Thái Bình	ĐK - ĐKTD 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	124	122	2,30	Chưa tích lũy đủ số TC
53	17D1140001	Vũ Đức An	05/12/1999	Nam	Lâm Đồng	ĐK - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	118	2,13	Chưa tích lũy đủ số TC
54	17D1140006	Trương Văn Đức	24/08/1999	Nam	Thái Bình	ĐK - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	114	2,18	Chưa tích lũy đủ số TC
55	17D1140010	Trần Ngọc Hoàn	23/04/1999	Nam	Nam Định	ĐK - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	118	1,92	Chưa tích lũy đủ số TC
56	17D1140013	Vũ Thái Ngọc	01/04/1999	Nam	Nam Định	ĐK - HTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Hệ thống điện)	124	108	2,02	Chưa tích lũy đủ số TC
57	17D1020004	Nguyễn Bá Hưng	01/11/1999	Nam	Nam Định	ĐK - KTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện)	124	119	2,30	Chưa tích lũy đủ số TC
58	17D1110007	Trần Thị Khánh Huyền	03/10/1999	Nữ	Nam Định	ĐK - KT 12	2017	Kế toán	121	117	2,00	Chưa tích lũy đủ số TC
59	17D1080006	Đỗ Mạnh Đạt	27/05/1999	Nam	Lai Châu	ĐK - Ôtô 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	111	2,35	Chưa tích lũy đủ số TC
60	17D1080012	Lê Việt Hoàng	25/11/1999	Nam	Hà Nam	ĐK - Ôtô 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	120	2,41	Chưa tích lũy đủ số TC
61	17D1080018	Nguyễn Văn Nam	16/06/1999	Nam	Hà Nam	ĐK - Ôtô 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	111	2,45	Chưa tích lũy đủ số TC
62	17D1080023	Trần Anh Quân	22/11/1999	Nam	Quảng Ninh	ĐK - Ôtô 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	117	2,53	Chưa tích lũy đủ số TC
63	17D1080024	Bùi Xuân Sơn	20/08/1999	Nam	Hà Nam	ĐK - Ôtô 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	118	2,38	Chưa tích lũy đủ số TC
64	17D1080032	Trần Quốc Toán	26/06/1999	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	123	2,34	Chưa tích lũy đủ số TC
65	17D1080040	Phạm Hải Việt	08/12/1999	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 12A	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	122	2,07	Chưa tích lũy đủ số TC
66	17D1080045	Trần Văn Dũng	04/09/1999	Nam	Hà Nam	ĐK - Ôtô 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	116	2,45	Chưa tích lũy đủ số TC

5

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	Ghi chú
67	17D1080050	Vũ Quang Đức	07/09/1998	Nam	Hà Nam	ĐK - Ôtô 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	120	2,26	Chưa tích lũy đủ số TC
68	17D1080055	Vũ Việt Hoàng	21/05/1999	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	119	2,34	Chưa tích lũy đủ số TC
69	17D1040063	Trần Trung Kiên	29/10/1999	Nam	Hà Nội	ĐK - Ôtô 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	113	2,12	Chưa tích lũy đủ số TC
70	17D1080064	Nguyễn Công Nghiệp	04/08/1999	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	122	2,71	Chưa tích lũy đủ số TC
71	17D1080066	Nguyễn Văn Quang	29/06/1999	Nam	Nam Định	ĐK - Ôtô 12B	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	124	122	2,32	Chưa tích lũy đủ số TC
72	17D1120006	Trần Quốc Đạt	12/07/1999	Nam	Nam Định	ĐK - QTKD 12	2017	Quản trị kinh doanh	121	100	2,03	Chưa tích lũy đủ số TC

Ấn định danh sách 72 SV. *u*



T.S. Đặng Quyết Thắng

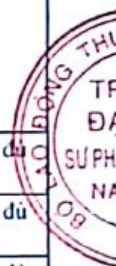
DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KHÓA 12

Chưa được công nhận tốt nghiệp

Hình thức đào tạo: Chính quy

(Kèm theo Quyết định số 113../QĐ-DHSPKTNĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	Ghi chú
1	17S1050002	Đỗ Hồng Doan	10/05/1999	Nam	Nam Định	ĐS - CTM 12	2017	Công nghệ chế tạo máy	143	136	2,43	Chưa tích lũy đủ số TC
2	17S1050007	Vũ Công Quỳnh	07/04/1999	Nam	Nam Định	ĐS - CTM 12	2017	Công nghệ chế tạo máy	143	104	2,12	Chưa tích lũy đủ số TC
3	17S1080003	Nguyễn Văn Chính	08/08/1999	Nam	Gia Lai	ĐS - Ôtô 12	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	143	105	2,41	Chưa tích lũy đủ số TC
4	17S1080004	Bùi Mạnh Cường	27/08/1999	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 12	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	143	130	2,29	Chưa tích lũy đủ số TC
5	17S1080005	Mai Đức Độ	17/03/1999	Nam	Ninh Bình	ĐS - Ôtô 12	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	143	136	2,63	Chưa tích lũy đủ số TC
6	17S1080008	Trần Xuân Hoàng	26/05/1999	Nam	Hà Nam	ĐS - Ôtô 12	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	143	139	3,37	Chưa tích lũy đủ số TC
7	17S1080010	Phạm Quang Huy	10/06/1999	Nam	Thái Bình	ĐS - Ôtô 12	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	143	121	2,38	Chưa tích lũy đủ số TC
8	17S1080013	Phạm Văn Phong	09/01/1999	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 12	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	143	141	2,48	Chưa tích lũy đủ số TC
9	17S1080015	Trần Đức Thái	15/09/1999	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 12	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	143	110	2,54	Chưa tích lũy đủ số TC
10	17S1050008	Cổ Khắc Thành	09/06/1999	Nam	Nam Định	ĐS - Ôtô 12	2017	Công nghệ kỹ thuật ô tô	143	136	2,58	Chưa tích lũy đủ số TC
11	17S1100002	Vũ Hoàng Ngọc Ánh	08/05/1999	Nữ	Nam Định	ĐS - CNTT 12	2017	Công nghệ thông tin	143	118	2,17	Chưa tích lũy đủ số TC
12	17S1100005	Trần Xuân Hình	13/01/1999	Nam	Ninh Bình	ĐS - CNTT 12	2017	Công nghệ thông tin	143	132	2,30	Chưa tích lũy đủ số TC



TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy theo thang điểm 4	Ghi chú
13	17S1100006	Nguyễn Việt Hùng	18/09/1999	Nam	Nam Định	DS - CNTT 12	2017	Công nghệ thông tin	143	135	2,39	Chưa tích lũy đủ số TC
14	17S1100007	Phạm Đình Hùng	21/09/1999	Nam	Nam Định	DS - CNTT 12	2017	Công nghệ thông tin	143	128	2,17	Chưa tích lũy đủ số TC
15	17S1140001	Lại Tuấn Anh	09/03/1999	Nam	Ninh Bình	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	3,02	Chưa tích lũy đủ số TC
16	17S1010001	Trần Tuấn Anh	01/06/1999	Nam	Ninh Bình	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	3,01	Chưa tích lũy đủ số TC
17	17S1010002	Hoàng Văn Bắc	08/03/1999	Nam	Nam Định	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	3,04	Chưa tích lũy đủ số TC
18	17S1010003	Hoàng Công Danh	05/02/1999	Nam	Nam Định	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	2,57	Chưa tích lũy đủ số TC
19	17S1010004	Trần Doãn Đạt	27/12/1997	Nam	Nam Định	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	2,56	Chưa tích lũy đủ số TC
20	17S1010005	Dặng Văn Đông	13/11/1999	Nam	Thanh Hóa	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	3,27	Chưa tích lũy đủ số TC
21	17S1140004	Lê Minh Đức	15/10/1999	Nam	Nam Định	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	2,56	Chưa tích lũy đủ số TC
22	17S1010006	Nguyễn Minh Hiếu	18/07/1999	Nam	Thái Bình	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	2,76	Chưa tích lũy đủ số TC
23	17S1010007	Nguyễn Bá Luân	29/05/1999	Nam	Thái Bình	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	2,71	Chưa tích lũy đủ số TC
24	17S1010008	Trần Thành Nam	18/10/1999	Nam	Nam Định	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	2,89	Chưa tích lũy đủ số TC
25	17S1010009	Trần Quang Nghĩa	15/12/1999	Nam	Nam Định	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	2,55	Chưa tích lũy đủ số TC
26	17S1010011	Đỗ Nhật Tân	29/06/1999	Nam	Ninh Bình	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	3,23	Chưa tích lũy đủ số TC
27	17S1010012	Nguyễn Văn Tinh	15/08/1999	Nam	Nam Định	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	111	2,16	Chưa tích lũy đủ số TC
28	17S1010013	Nguyễn Đức Toàn	22/06/1999	Nam	Nam Định	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	3,12	Chưa tích lũy đủ số TC
29	17S1010014	Lưu Thanh Tú	13/07/1999	Nam	Nam Định	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	2,64	Chưa tích lũy đủ số TC
30	17S1010015	Nguyễn Vương Vượt	15/04/1999	Nam	Thái Bình	DS - DDT 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử)	143	142	2,79	Chưa tích lũy đủ số TC

TT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp SV	Năm nhập học	Ngành (Chuyên ngành) đào tạo	Số tín chỉ theo quy định	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TĐC tích lũy theo thang điểm 4	Ghi chú
31	17S1040003	Dương Minh Đức	13/04/1999	Nam	Nam Định	ĐS - ĐKTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	143	125	2,10	Chưa tích lũy đủ số TC
32	15S1020006	Hoàng Mạnh Kiên	21/01/1997	Nam	Nam Định	ĐS - ĐKTD 12	2015	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	143	117	2,50	Chưa tích lũy đủ số TC
33	17S1040010	Lại Đức Thịnh	25/11/1999	Nam	Quảng Ninh	ĐS - ĐKTD 12	2017	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	143	139	2,72	Chưa tích lũy đủ số TC

Ấn định danh sách 33 SV. 

HIỆU TRƯỞNG

